

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2025/KDTM – ST;
Ngày: 06-01-2025;
*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, tp . xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng thí nghiệm đưa vào vận hành hệ thống kích từ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 166A/2024/QĐST-KDTM ngày 14/9/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2024/QĐST-KDTM ngày 03/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 202A/2024/QĐST-KDTM ngày 01/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 243A/2024/QĐST-KDTM ngày 19/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 209/2024/QĐST-KDTM ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T1. Địa chỉ: số A T, P. H, Q. C, tp .. Đại diện theo ủy quyền: bà Tạ Thị Kim L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần C. Địa chỉ: P, N, Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Đinh Nam D, chức vụ. Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV T1 trình bày:*

Ngày 04/7/2022, Công ty TNHH MTV T1 (Công Ty T1) và Công ty Cổ phần C đã giao kết Hợp đồng số 363/2022/HD-CTG-CPCETC (Về việc thí nghiệm đưa vào vận hành hệ thống kích từ - Nhà máy T2) với giá trị hợp đồng là 414.352.582 đồng. Đến ngày 21/7/2023, hai công ty đã phụ lục hợp đồng (PL01), trong đó điều chỉnh khối lượng công việc dẫn đến tổng giá trị hợp đồng sau hiệu chỉnh là 344.825.858 đồng.

Thực hiện hợp đồng đã ký, công ty T1 điện đã cung cấp dịch vụ thí nghiệm theo đúng hợp đồng, đến ngày 15/8/2022, Công ty T1 và Công ty C ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng với giá trị thanh toán là 344.825.858 đồng giá trị thanh toán chưa khấu trừ tiền tạm ứng.

Trên cơ sở khối lượng và giá trị thanh toán được Công ty C nghiệm thu, công ty T1 đã gửi hồ sơ đề nghị thanh toán để yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền là 220.520.083 đồng, sau khi trừ đi khoản tạm ứng mà Công ty Cổ phần C đã tạm ứng trước cho công ty T1 điện là 124.305.775 đồng .

Trong thời gian qua, công ty T1 đã nhiều lần gửi văn bản đốc thúc Công ty C thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên đến nay, số tiền Công ty C chưa thanh toán cho Công Ty T1 là 220.520.083 đồng

Do vậy, Công Ty T1 khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ và tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng, cụ thể: Trả toàn bộ số tiền nợ là 220.520.083 đồng và trả tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 15/9/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 06/01/2025) là 51.246.451 đồng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần và tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bị đơn Công ty cổ phần C đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, việc tuân thủ pháp luật của HĐXX tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo Điều 7 của Hợp đồng số 363/2022/HD-CTG-CPCETC thì các bên thỏa thuận mọi tranh chấp sẽ do Tòa án nơi có trụ sở của Công ty TNHH MTV T1 giải quyết. Trong vụ án này, tại thời điểm khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 có trụ sở tại số A T, P. H, C, tp .. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Bị đơn không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 BLTTDS.

Về nội dung

[3] Đối với yêu cầu công ty C thanh toán số tiền nợ là 220.520.083 đồng

Ngày 04/7/2022, Công ty T1 và Công ty C đã ký kết Hợp đồng số 363/2022/HD-CTG-CPCETC về việc Công ty T1 điện thực hiện thí nghiệm đưa vào vận hành hệ thống kích từ - Nhà máy T2. Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng giữa các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119, 385, 398 BLDS nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Công ty T1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ thí nghiệm theo đúng hợp đồng. Ngày 15/8/2022, công ty T1 và Công ty C ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng với giá trị thanh toán là 344.825.858 đồng. Trên cơ sở khối lượng và giá trị thanh toán được Công ty C nghiệm thu, công ty T1 điện gửi hồ sơ đề nghị thanh toán để yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền là 220.520.083 đồng, sau khi trừ đi khoản tạm ứng mà Công ty Cổ phần C đã tạm ứng trước cho Công ty T1 điện là 124.305.775 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần C chưa thực hiện việc thanh toán theo quy định.

Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên Hóa đơn thì Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Hóa đơn do Công ty T1 thì ngày 15/8/2022 là ngày xuất hòa đơn cho Công ty C. Như vậy, ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán là ngày 15/9/2022. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua dịch vụ quy định tại Điều 3 Hợp đồng của các bên và Điều 519 của BLDS, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, HĐXX cấp sơ thẩm có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Công ty T1 điện, buộc Công ty C thanh toán số tiền nợ gốc là: 220.520.083 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả theo lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 10,05%/ năm trên số tiền gốc tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng số 363/2022/HD-CTG-CPCETC thì trong trường hợp Công ty C chậm thanh toán tiền hàng thì sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán 10%/năm kể từ ngày quá hạn thanh toán. Công ty T1 yêu cầu Công ty C phải thanh toán lãi theo lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại kể từ ngày 15/9/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

HĐXX nhận thấy, Công ty C và Công ty T1 điện đã lập biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận: tính đến ngày 15/8/2022, Công ty C còn nợ Công ty T1 điện số tiền: 220.520.083 đồng và phải có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 30 ngày. Trong khi đó, qua các hóa đơn GTGT kèm theo hồ sơ vụ án thì thấy các giao dịch mua bán giữa hai bên đã thực hiện xong trong năm 2022. Các bên đã đối chiếu công nợ nhưng Công ty C vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, Công ty T1 điện xác định thời gian bắt đầu tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 15/9/2022 là có cơ sở để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10,05% trên số nợ gốc. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 và Nghị quyết 01/2019/HĐTP-NQ ngày 11/01/2019, Tòa án đã tiến hành thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình của Ngân hàng N, Ngân hàng TMCP C1 và Ngân hàng TMCP N1, qua đó xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là: 10,05%. Do yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất 10,05% từ ngày 15/9/2022 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 51.246.451 đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty C phải thanh toán số tiền là: 271.766.534 đồng, trong đó tiền nợ gốc phải thanh toán theo biên bản đối chiếu công nợ là 220.520.083 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 51.246.451 đồng.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Công ty T1 điện được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 3.834.818 đồng, Công ty TNHH MTV T1 tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 91, 147, 180, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/HĐTP-NQ ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1, buộc Công ty cổ phần C phải trả toàn bộ số nợ cho Công ty TNHH MTV T1 là: 271.766.534 đồng trong đó tiền nợ gốc phải thanh toán theo biên bản đối chiếu công nợ là: 220.520.083 đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/01/2025 theo mức lãi suất trung bình trên thị trường là 10,05%/năm là: 51.246.451 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần C phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10,05%/năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 13.588.326 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là: 6.443.500 đồng theo Biên lai số 0000718 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp ..

3. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Du Nguyễn Văn T

Nguyễn Hữu H